

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG

Đơn vị: 27.-PX Phục vụ sản xuất HDTV

Tháng 6 năm 2020

| Stt       | SDB      | Tên                 | Mức LCB   | Lương SP |          |            | Lương phép |       | Lương 100% |       | Tổng thu nhập | Các khoản phải trừ |         |         |               |         |          | Tổng giảm trừ | Còn lĩnh   | KN |
|-----------|----------|---------------------|-----------|----------|----------|------------|------------|-------|------------|-------|---------------|--------------------|---------|---------|---------------|---------|----------|---------------|------------|----|
|           |          |                     |           | Công     | Điểm     | Lương      | Công       | Lương | Công       | Lương |               | BHXH               | BHYT    | BHTN    | Truy thu BHXH | ĐPCĐ    | Quỹ HĐXH |               |            |    |
| 1         | 71       | Tổ hợp đồng thời vụ |           | 96       | 60.538,0 | 62.660.000 |            |       |            |       | 62.660.000    | 2.252.400          | 422.400 | 282.000 | 291.000       | 594.100 | 330.000  | 4.171.900     | 58.488.100 |    |
| 1         | HD18-001 | Hồ Đức Định         | 4.692.000 | 16       | 10.093,0 | 10.446.784 |            |       |            |       | 10.446.784    | 375.400            | 70.400  | 47.000  | 48.500        | 99.100  | 55.000   | 695.400       | 9.751.384  |    |
| 2         | HD18-002 | Tô Văn Giang        | 4.692.000 | 16       | 10.091,0 | 10.444.713 |            |       |            |       | 10.444.713    | 375.400            | 70.400  | 47.000  | 48.500        | 99.000  | 55.000   | 695.300       | 9.749.413  |    |
| 3         | HD18-003 | Tô Mạnh Hùng        | 4.692.000 | 16       | 10.091,0 | 10.444.713 |            |       |            |       | 10.444.713    | 375.400            | 70.400  | 47.000  | 48.500        | 99.000  | 55.000   | 695.300       | 9.749.413  |    |
| 4         | HD18-004 | Vũ Mạnh Thường      | 4.692.000 | 16       | 10.089,0 | 10.442.643 |            |       |            |       | 10.442.643    | 375.400            | 70.400  | 47.000  | 48.500        | 99.000  | 55.000   | 695.300       | 9.747.343  |    |
| 5         | HD18-005 | Tô Duy Phấn         | 4.692.000 | 16       | 10.087,0 | 10.440.573 |            |       |            |       | 10.440.573    | 375.400            | 70.400  | 47.000  | 48.500        | 99.000  | 55.000   | 695.300       | 9.745.273  |    |
| 6         | HD18-006 | Vũ Mạnh Ngọc Trường | 4.692.000 | 16       | 10.087,0 | 10.440.574 |            |       |            |       | 10.440.574    | 375.400            | 70.400  | 47.000  | 48.500        | 99.000  | 55.000   | 695.300       | 9.745.274  |    |
| Tổng cộng |          |                     |           | 96       | 60.538,0 | 62.660.000 |            |       |            |       | 62.660.000    | 2.252.400          | 422.400 | 282.000 | 291.000       | 594.100 | 330.000  | 4.171.900     | 58.488.100 |    |

Quảng Ninh, Ngày 23 Tháng 7 năm 2020

LẬP BIỂU

PHÒNG TCLĐ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

P.GIÁM ĐỐC

Mã Thành Trung

Nguyễn Văn Thòa

Đặng Thanh Lam

Phạm Văn Hùng